

Số : 22 /CBTT-THP

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau :



1. Tên tổ chức : Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước

- Mã chứng khoán : THP
- Địa chỉ : 02 Bùi Quốc Hưng, KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại liên hệ : 0236.3920920 Fax : 0236.3923308.
- Email : info@thuanphuoc.vn. Website : www.thuanphuoc.vn

2. Nội dung thông tin công bố :

- BCTC năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày :
.../3.../02/2026 tại đường dẫn : www.thuanphuoc.vn(quanhecodong/baocaotaichinh)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ PHI ANH

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025;
- Văn bản giải trình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ
THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 40

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng ban
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Miễn nhiệm ngày 01/05/2025
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Minh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Hữu Lý	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Nguyễn Thị Phi Anh, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Phi Anh

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2026



Số: 23/2026/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 02 năm 2026 từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kim Văn Việt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Lê Văn Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2025-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.016.043.449.767	880.684.632.953
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		38.431.067.790	61.956.297.904
1. Tiền	111	4.1	14.981.067.790	61.956.297.904
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.450.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	5.953.940.000	7.364.167.388
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.364.547.600	2.738.174.988
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(410.607.600)	(374.007.600)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.897.807.777	354.311.834.406
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	250.910.537.602	328.623.114.839
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.930.862.271	5.414.969.065
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	12.120.452.504	20.337.795.102
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(64.044.600)	(64.044.600)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	639.359.055.914	446.024.843.982
1. Hàng tồn kho	141		639.360.841.854	446.026.629.922
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.785.940)	(1.785.940)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		63.401.578.286	11.027.489.273
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	654.950.678	640.990.934
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		62.746.627.608	10.386.498.339
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		419.671.079.582	444.231.296.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	6.413.754.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	-	6.413.754.000
II. Tài sản cố định	220		372.331.698.124	393.708.114.057
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	337.459.086.200	357.844.978.184
Nguyên giá	222		765.506.441.481	741.703.733.260
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(428.047.355.281)	(383.858.755.076)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	34.872.611.924	35.863.135.873
Nguyên giá	228		41.680.871.696	41.680.871.696
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.808.259.772)	(5.817.735.823)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.834.297.228	7.061.756.481
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	8.834.297.228	7.061.756.481
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38.505.084.230	37.047.672.404
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	38.505.084.230	37.047.672.404
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.435.714.529.349	1.324.915.929.895

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.055.995.497.790	969.166.946.862
I. Nợ ngắn hạn	310		1.007.547.186.666	859.644.020.310
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	94.125.631.281	51.877.575.099
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	13.436.899.154	17.660.583.982
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	4.656.189.606	1.973.068.583
4. Phải trả người lao động	314	4.15	55.329.215.390	40.953.445.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	7.720.467.178	5.447.866.284
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	21.466.738.498	5.722.869.985
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	800.753.648.426	723.448.978.286
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.058.397.133	12.559.632.833
II. Nợ dài hạn	330		48.448.311.124	109.522.926.552
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	48.448.311.124	109.522.926.552
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		379.719.031.559	355.748.983.033
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	379.719.031.559	355.748.983.033
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(4.234.000)	(4.234.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		130.619.210.033	127.509.529.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.992.205.526	12.131.837.974
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.992.205.526	12.131.837.974
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.435.714.529.349	1.324.915.929.895



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	3.333.765.961.338	3.092.133.474.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	29.205.589.087	8.702.027.575
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.304.560.372.251	3.083.431.447.375
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	3.015.748.703.831	2.823.364.447.143
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		288.811.668.420	260.067.000.232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	49.094.391.345	59.930.022.942
7. Chi phí tài chính	22	5.5	76.263.550.689	92.479.951.119
Trong đó, chi phí lãi vay	23		43.844.337.947	43.992.695.550
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	174.008.859.563	164.371.145.447
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	43.245.943.621	44.262.667.284
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.387.705.892	18.883.259.324
11. Thu nhập khác	31	5.8	2.126.021.312	195.288.581
12. Chi phí khác	32	5.9	935.367.311	766.327.149
13. Lợi nhuận khác	40		1.190.654.001	(571.038.568)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.578.359.893	18.312.220.756
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	6.102.918.867	1.858.225.782
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.475.441.026	16.453.994.974
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.6	1.187	544
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.7	1.187	544



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyền
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.578.359.893	18.312.220.756
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		45.527.619.402	47.010.884.272
Các khoản dự phòng	03		36.600.000	(123.549.935)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.545.837.930)	8.129.794.496
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(270.966.989)	(242.799.466)
Chi phí lãi vay	06		43.844.337.947	43.992.695.550
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		133.170.112.323	117.079.245.673
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		39.023.349.024	(22.963.208.614)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(193.334.211.932)	200.955.087.936
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		69.150.296.488	13.926.530.378
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.471.371.570)	3.770.613.523
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.373.627.388	(158.154.360)
Tiền lãi vay đã trả	14		(43.842.853.067)	(45.193.578.828)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.800.000.000)	(5.693.838.663)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.201.235.700)	(5.953.597.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.932.287.046)	255.769.100.045
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.624.775.802)	(10.639.888.350)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn của đơn vị khác	22		-	36.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		247.893.087	261.085.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.376.882.715)	(10.342.438.884)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	Mã	TM	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.2	3.244.999.641.803	2.655.246.989.324
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.3	(3.226.734.265.424)	(2.881.249.612.637)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(10.473.225.520)	(6.454.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.792.150.859	(232.456.703.313)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(23.517.018.902)	12.969.957.848
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		61.956.297.904	48.966.196.602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(8.211.212)	20.143.454
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		38.431.067.790	61.956.297.904



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29/06/2007, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2025 với mã số doanh nghiệp là 0400100432.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Thông báo số 1330/TB-SGDHN ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là THP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 216.111.850.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.567 người (tại 31 tháng 12 năm 2024 là 2.419 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và Thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Xi nghiệp đông lạnh 32	Số 03, đường Vân Đồn, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xi nghiệp thủy sản và thực phẩm	Lô B3-3 đường Phạm Văn Xảo, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn	Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước - Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2025</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 13 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 – 08 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị các quyền sử dụng diện tích đất tại Ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền trả cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Áp dụng mức thuế suất là 15% đối với hoạt động chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Thuế giá trị gia tăng:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản;
- Các hoạt động khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định đầu tiên của cơ quan thuế.

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế, nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu đông lạnh An An tại Tiên Giang chỉ thực hiện sản xuất và thành phẩm được chuyển về kho tại Đà Nẵng để xuất khẩu. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến thủy sản và xuất khẩu tại khu vực địa lý chủ yếu là các thị trường bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02, đường Bùi Quốc Hưng, KCN dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.24. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		1.099.933		8.497.425
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		14.979.967.857		61.947.800.479
+ VND		227.476.183		286.668.141
+ USD	564.970,94 #	14.732.747.202	2.441.168,18 #	61.641.937.714
+ EUR	133,66 #	4.056.407	144,17 #	3.764.763
+ JPY	95.928,00 #	15.688.065	97.380,00 #	15.429.861
Các khoản tương đương tiền		23.450.000.000		-
(Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng)				
Cộng		38.431.067.790		61.956.297.904

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	-	-	-	279.661.473	518.270.400	-
Công ty Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	41.250.000	23.700.000	(17.550.000)	41.250.000	26.860.000	(14.390.000)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	-	-	-	703.261.065	714.850.000	-
Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam (VNM)	1.323.297.600	930.240.000	(393.057.600)	1.323.297.600	963.680.000	(359.617.600)
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	-	-	-	390.704.850	466.458.400	-
Cộng	1.364.547.600	953.940.000	(410.607.600)	2.738.174.988	2.690.118.800	(374.007.600)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Beaver Street Fisheries, Inc	-	29.221.154.885
Planets Pride A/s	33.122.916.738	26.419.490.025
Eastern Fish Co .llc	358.550.927	10.912.948.899
LP Foods PTE ltd	-	39.795.576.000
Bidfood Procurement community Ltd	22.439.619.927	-
Các khách hàng khác	194.989.450.010	222.273.945.030
Cộng	250.910.537.602	328.623.114.839

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Xây Dựng & Thương Mại Hoàng Tú	-	1.261.411.056
COMERCIALIZADORA INTERNACIONAL DE MARISCOS	1.739.939.136	1.739.939.136
CINTEMAR S.A.S	-	-
Các nhà cung cấp khác	4.190.923.135	2.413.618.873
Cộng	5.930.862.271	5.414.969.065

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	265.587.667	-	19.271.620.123	-
Ký cược, ký quỹ	11.838.958.000	-	-	-
BHXH, BHYT, BHTN	15.906.837	-	1.066.174.979	-
Cộng	12.120.452.504	-	20.337.795.102	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	-	-	6.413.754.000	-
Cộng	-	-	6.413.754.000	-
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan	-	-	18.546.489.690	-
- xem thêm mục 7				

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	64.044.600	-	64.044.600	-
Cộng	64.044.600	-	64.044.600	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Quang Tiến	64.044.600	-	Trên 3 năm	64.044.600	-	Trên 3 năm
Cộng	64.044.600	-		64.044.600	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	51.419.610.264	-	-	-
Hàng gửi đi bán	14.578.158.985	-	12.507.231.989	-
Nguyên liệu, vật liệu	328.751.666.965	1.785.940	253.855.413.740	1.785.940
Công cụ, dụng cụ	13.816.385.890	-	17.242.801.734	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.432.270.512	-	2.960.126.701	-
Thành phẩm	229.362.749.238	-	159.461.055.758	-
Cộng	639.360.841.854	1.785.940	446.026.629.922	1.785.940

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, khả năng tiêu thụ thấp tại thời điểm 31/12/2025 là 1.785.940 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2025 là 525.036.502.363 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	405.581.597.183	294.770.639.308	37.320.681.089	4.030.815.680	741.703.733.260
Phân loại lại	-	(81.818.182)	-	81.818.182	-
Mua trong năm	1.346.478.500	22.873.859.055	-	-	24.220.337.555
Giảm khác	(339.629.334)	(78.000.000)	-	-	(417.629.334)
Tại ngày 31/12/2025	406.588.446.349	317.484.680.181	37.320.681.089	4.112.633.862	765.506.441.481
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	165.685.731.404	182.265.987.497	32.146.736.191	3.760.299.984	383.858.755.076
Phân loại lại	-	(50.954.545)	-	50.954.545	-
Khấu hao trong năm	21.741.677.801	21.366.080.770	1.293.562.565	135.774.317	44.537.095.453
Giảm khác	(309.774.816)	(38.720.432)	-	-	(348.495.248)
Tại ngày 31/12/2025	187.117.634.389	203.542.393.290	33.440.298.756	3.947.028.846	428.047.355.281
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	239.895.865.779	112.504.651.811	5.173.944.898	270.515.696	357.844.978.184
Tại ngày 31/12/2025	219.470.811.960	113.942.286.891	3.880.382.333	165.605.016	337.459.086.200

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 290.572.425.428 VND.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 199.977.734.273 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	41.004.099.758	676.771.938	41.680.871.696
Tại ngày 31/12/2025	41.004.099.758	676.771.938	41.680.871.696
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	5.262.929.285	554.806.538	5.817.735.823
Khấu hao trong năm	898.087.014	92.436.935	990.523.949
Tại ngày 31/12/2025	6.161.016.299	647.243.473	6.808.259.772
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	35.741.170.473	121.965.400	35.863.135.873
Tại ngày 31/12/2025	34.843.083.459	29.528.465	34.872.611.924

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 34.843.083.459 VND.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 307.024.200 VND.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại 31/12/2025 gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3378 tại Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích 21.355 m², có thời hạn sử dụng đến ngày 13/02/2067. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Đồng Tháp;
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3388 tại Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích 1.592,6 m², trong đó 214,7 m² có thời hạn sử dụng đến tháng 10/2043, 1.377,9 m² có thời hạn sử dụng đến ngày 11/01/2068. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Đồng Tháp.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nhà máy An An mở rộng	5.748.520.376	5.633.520.370
Lắp đặt hệ thống PCCC	3.085.776.852	1.428.236.111
Cộng	8.834.297.228	7.061.756.481

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	519.810.800	458.303.478
Phí cải tạo	-	119.166.666
Chi phí trả trước khác	135.139.878	63.520.790
Cộng	654.950.678	640.990.934
Dài hạn		
Tiền thuê đất Thuận Phước	24.270.380.202	25.200.874.014
Tiền thuê đất vùng nuôi Ba Tri Bến Tre	5.814.380.758	2.842.498.596
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.787.461.907	949.849.409
Chi phí sửa chữa tài sản	1.196.820.177	1.476.234.188
Tiền thuê đất Thửa đất số 3488(Dt:1377.90m2)	497.183.560	508.526.152
Chi phí cải tạo, nâng cấp Điền Môn	32.006.586	606.899.840
Tiền thuê bãi bồi	2.729.661.834	2.790.773.670
Chi phí trả trước khác	2.177.189.206	2.672.016.535
Cộng	38.505.084.230	37.047.672.404

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Royale Marine Impex PVT Ltd	19.006.633.152	19.006.633.152	11.038.032.000	11.038.032.000
THE WATERBASE LIMITED	-	-	11.635.741.433	11.635.741.433
NAQ FOODS INDIA PRIVATE LIMITED	12.620.524.059	12.620.524.059	-	-
ITC LIMITED	-	-	5.872.026.061	5.872.026.061
Maa Nachinda Sea Foods Private Limited	22.558.348.956	22.558.348.956	-	-
Các đối tượng khác	39.940.125.114	39.940.125.114	23.331.775.605	23.331.775.605
Cộng	94.125.631.281	94.125.631.281	51.877.575.099	51.877.575.099

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Stutzer & Co Ag	2.669.542.082	711.638.094
TOKYO EUROPE TRADING CO., LTD. IN SEIJOISHII GROUP	383.039.711	5.700.299.450
Palaxar Limited	1.448.866.193	-
AMERICAN EEL DEPOT CORP.	-	2.803.387.070
COMINPORT DISTRIBUCION,S.L.	1.556.802.240	779.379.834
COMINPORT SP.ZO.O	-	2.264.670.000
Các khách hàng khác	7.378.648.928	5.401.209.534
Cộng	13.436.899.154	17.660.583.982

4.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	389.593	732.297.893	744.163.430	12.255.130
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.888.221.777	2.888.221.777	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	138.045.861	138.045.861	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.161.144.649	6.102.918.867	3.800.000.000	1.858.225.782
Thuế thu nhập cá nhân	494.655.364	1.616.212.720	1.224.145.027	102.587.671
Thuế tài nguyên	-	290.824.608	290.824.608	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	18.948.601	18.948.601	-
Các loại thuế khác	-	35.088.461	35.088.461	-
Cộng	4.656.189.606	11.822.558.788	9.139.437.765	1.973.068.583

4.15. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Lương	55.329.215.390	40.953.445.258
Cộng	55.329.215.390	40.953.445.258

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	647.464.574	645.979.694
Chi phí tư vấn kỹ thuật	2.190.919.033	1.573.222.844
Chi phí vận chuyển	1.741.843.858	1.602.067.839
Chi phí tiền điện	1.137.472.844	1.198.556.252
Các khoản chi phí khác	2.002.766.869	428.039.655
Cộng	7.720.467.178	5.447.866.284

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	1.031.088.038	792.211.415
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	389.366.900	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng -LCUPAS	14.783.458.010	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.262.825.550	4.930.658.570
Cộng	21.466.738.498	5.722.869.985

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18. Vay và nợ thuê tài chính

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2025			Trong năm			Ngoại tệ			Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND	Giảm	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (USD)												
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	16.809.658,31 #	443.388.357.243	443.388.357.243	1.392.942.459.249	1.386.134.809.474	17.086.638,78 #		436.580.707.468	436.580.707.468			
- Ngân hàng TMCP Công thương VN	9.655.158,00 #	254.674.102.566	254.674.102.566	1.090.497.366.893	864.302.587.784	1.114.607,00 #		28.479.323.457	28.479.323.457			
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	#	-	-	49.580.620.477	49.580.620.477	- #		-	-			
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN	#	-	-	58.191.013	23.086.195.589	901.256,49 #		23.028.004.576	23.028.004.576			
Vay ngắn hạn (VND)												
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN		9.436.591.651	9.436.591.651	494.057.854.272	525.685.502.118			41.064.239.497	41.064.239.497			
- Ngân hàng TMCP Công thương VN		27.010.495.720	27.010.495.720	114.889.049.132	227.039.210.359			139.160.656.947	139.160.656.947			
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN		27.744.901.246	27.744.901.246	87.752.444.767	78.879.589.862			18.872.046.341	18.872.046.341			
Vay dài hạn đến hạn trả												
- Quỹ đầu tư phát triển		715.200.000	715.200.000		-			-	-			
- Ngân hàng TMCP Công thương VN		37.784.000.000	37.784.000.000	37.784.000.000	36.264.000.000			36.264.000.000	36.264.000.000			
Cộng		800.753.648.426	800.753.648.426	3.268.277.185.803	3.190.972.515.663			723.448.978.286	723.448.978.286			
Vay dài hạn (VND)												
- Ngân hàng TMCP Công thương VN		44.694.511.124	44.694.511.124	10.521.656.000	38.350.071.428			72.522.926.552	72.522.926.552			
- Quỹ đầu tư phát triển		3.753.800.000	3.753.800.000	4.700.000.000	946.200.000			-	-			
- Bà Nguyễn Thị Phi Anh		-	-	-	12.000.000.000			12.000.000.000	12.000.000.000			
- Bà Lê Thị Minh Thảo		-	-	-	10.000.000.000			10.000.000.000	10.000.000.000			
- Bà Lê Thanh Thảo		-	-	-	15.000.000.000			15.000.000.000	15.000.000.000			
Cộng		48.448.311.124	48.448.311.124	15.221.656.000	76.296.271.428			109.522.926.552	109.522.926.552			
Tổng cộng		849.201.959.550	849.201.959.550	3.283.498.841.803	3.267.268.787.091			832.971.904.838	832.971.904.838			
Trong đó Vay bên liên quan - Xem thêm mục 7		-	-	-	-			37.000.000.000	37.000.000.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bụi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số 365/2025/CTD/VCB-KHDN ngày 08/10/2025, với hạn mức 650 tỷ VND với thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, được đảm bảo theo các tài sản đảm bảo sau:
 - + Công trình Nhà máy chế biến Thủy sản và Thực phẩm đông lạnh Xuất khẩu cùng với phần giá trị gia tăng mà Công ty đầu tư thêm gắn liền với Tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 46/2017/VCB-DN ngày 17/07/2017 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty;
 - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 14, KDC Phúc Lộc Viên, Phường An Hải, TP Đà Nẵng của bà Lê Thanh Thảo ngày 09/12/2022.
- * Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 30/2009/VCB-DN ngày 08/05/2009 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty;
- * Hai máy phát điện đã qua sử dụng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 75/2011/VCB-DN ngày 10/06/2011 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty.
- + Các đồng sản được hình thành từ Xí nghiệp đông lạnh 32 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 32/2009/VCB-DN ngày 04/06/2009 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty;
- + Hàng hóa luân chuyển bao gồm nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 07/2019/VCB-DN ngày 14/02/2019 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty;
- + Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng số 09/2019/VCB-DN ngày 14/02/2019 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và Công ty.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 300029792/2025-HĐCVHM/NHCT480-THUANPHUOC ngày 12/09/2025, với hạn mức 600 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 12/09/2025 đến hết ngày 12/09/2026, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, được đảm bảo theo các tài sản đảm bảo sau:
 - + Hàng hóa luân chuyển bao gồm nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tương đương tỷ lệ dư nợ ngắn hạn của khách hàng tại ngân hàng trên tổng dư nợ ngắn hạn của khách hàng tại các tổ chức tín dụng.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1082115.25 ngày 15/08/2025, với hạn mức 100 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương với thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, được đảm bảo theo các tài sản đảm bảo sau:
 - + Quyền đòi nợ/khoản phải thu hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu theo phương thức L/C xuất khẩu hoặc T/T từ các nước: Châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

+ Hàng hóa là tóm nguyên liệu, tôm thành phẩm các loại, tồn kho luân chuyển. Giá trị HTK thế chấp tại VIB tương ứng với tỷ lệ số dư tín dụng ngắn hạn của bên được cấp tín dụng tại VIB trên tổng dư nợ ngắn hạn của khách hàng tại các tổ chức tín dụng.

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

Đối tượng	Hợp đồng		Hạn mức	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
	Số	Ngày					
TMCP Công thương Việt Nam	01/2019-HDCVDADT/NHCT480 và phụ lục 01/2019-HDCVDADT-SBĐ/NHCT48	01/10/2019	239.000.000.000 VND	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý, hợp lệ thực hiện Dự án Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	Theo từng thời điểm nhận nợ	96 tháng	03 lô đất tại Ấp Tây Hòa, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp và tài sản trên đất hình thành từ dự án.
	30002979/2025/HDCV DADT/NHCT480-THUANPHUOC	09/04/2025	10.670.000.000 VND	Đầu tư tài sản cố định bao gồm hệ thống mất trời nổi lưới và máy móc thiết bị mới phục vụ sản xuất kinh doanh thủy sản tại nhà máy An An, tỉnh Đồng Tháp	Theo từng thời điểm nhận nợ	84 tháng	a) Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai tại nhà Máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tỉnh Đồng Tháp; b) Các quyền, lợi ích của công ty phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm đối với 1 hoặc tất cả các tài sản nêu tại a) nêu trên, bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm, bồi thường; c) Tất cả các quyền, tài sản lợi ích và các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà công ty có thể nhận được sau thời điểm hợp đồng này có hiệu lực để trao đổi, thay thế cho bất kỳ tài sản nào được đề cập tại điểm a) và b) nêu trên.
Quý đầu tư phát triển TP Đà Nẵng	20/2024/HĐTD	26/12/2024	4.700.000.000 VND	Thanh toán chi phí mua sắm máy móc thiết bị của dự án	5,6%/năm	84 tháng	Thế chấp máy móc thiết bị hiện có và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án vay vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2024	216.111.850.000	(4.234.000)	123.881.807.660	14.204.956.899
Lãi trong năm trước	-	-	-	16.453.994.974
Chia cổ tức	-	-	-	(10.805.392.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.100.000.000)
Trích quỹ Đầu tư, phát triển	-	-	3.627.721.399	(3.627.721.399)
Trích thường HEQT, BKS	-	-	-	(994.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	216.111.850.000	(4.234.000)	127.509.529.059	12.131.837.974
Lãi trong năm nay	-	-	-	39.475.441.026
Chia cổ tức năm 2024 (*)	-	-	-	(4.322.157.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2025 (**)	-	-	-	(6.483.235.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.100.000.000)
Trích quỹ Đầu tư, phát triển (*)	-	-	3.109.680.974	(3.109.680.974)
Trích thường HEQT, BKS (*)	-	-	-	(1.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	216.111.850.000	(4.234.000)	130.619.210.033	32.992.205.526
				379.719.031.559

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 06/NQ-ĐHCĐ ngày 15/03/2025.

(**) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/NQ - HĐQT ngày 27/11/2025, thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 3%/01 cổ phiếu, ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 15/12/2025 và thanh toán ngày 05/01/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nguyễn Thị Phi Anh	123.733.800.000	110.660.700.000
Trần Văn Linh	15.518.860.000	15.518.860.000
Cổ đông khác	76.854.956.000	89.928.056.000
Cổ phiếu quỹ	4.234.000	4.234.000
Cộng	216.111.850.000	216.111.850.000

4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp đầu năm	216.111.850.000	216.111.850.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	216.111.850.000	216.111.850.000

4.19.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầy tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	127.509.529.059
Trích trong năm	3.109.680.974
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	130.619.210.033

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.5. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.611.185	21.611.185
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.611.185	21.611.185
- Cổ phiếu phổ thông	21.611.185	21.611.185
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	400	400
- Cổ phiếu phổ thông	400	400
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.610.785	21.610.785
- Cổ phiếu phổ thông	21.610.785	21.610.785
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.19.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	39.475.441.026	16.453.994.974
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS	13.816.404.360	4.700.000.000
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.659.036.666	11.753.994.974
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	21.610.785	21.610.785
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.187	544

Trong năm Công ty đã có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2025. Theo đó lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 là lợi nhuận sau thuế trừ đi quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT, BKS dự kiến phân phối theo tỷ lệ thấp nhất.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 được trình bày lại dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2025. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 544 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo năm trước là 560 VND/cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	39.475.441.026	16.453.994.974
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS	13.816.404.360	4.700.000.000
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.659.036.666	11.753.994.974
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.610.785	21.610.785
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.610.785	21.610.785
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.187	544

Trong năm Công ty đã có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2025. Theo đó lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 là lợi nhuận sau thuế trừ đi quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT, BKS dự kiến phân phối theo tỷ lệ thấp nhất.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 được trình bày lại dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2025. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 544 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo năm trước là 560 VND/cổ phiếu).

4.19.8. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 4%/vốn điều lệ (tương đương: 8.644.314.000 VND). Trong đó, số cổ tức đã tạm ứng trong năm 2024 là 4.322.157.000 VND (tỷ lệ 4%/Vốn điều lệ).

Nghị quyết 07/NQ - HĐQT ngày 20/03/2025, thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền và chi trả cổ tức còn lại năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 2%/01 cổ phiếu, số tiền chi trả 4.322.157.000 VND, ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 09/04/2025, ngày thực hiện chi trả là ngày 25/04/2025.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/NQ - HĐQT ngày 27/11/2025, thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 3%/01 cổ phiếu, ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 15/12/2025 và ngày thực hiện 05/01/2026.

4.20. Các chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
+ USD	564.970,94	2.441.168,18
+ EUR	133,66	144,17
+ JPY	95.928,00	97.380,00

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu xuất khẩu thành phẩm	3.317.931.497.205	3.064.016.359.210
Doanh thu bán thành phẩm trong nước	15.834.464.133	27.367.115.740
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	750.000.000
Cộng	3.333.765.961.338	3.092.133.474.950

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hàng bán bị trả lại	29.205.589.087	8.702.027.575
Cộng	29.205.589.087	8.702.027.575

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn thành phẩm xuất khẩu	3.005.098.548.163	2.801.327.370.906
Giá vốn thành phẩm trong nước	10.650.155.668	22.145.832.922
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(108.756.685)
Cộng	3.015.748.703.831	2.823.364.447.143

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi bán các khoản đầu tư	868.160.262	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	146.485.087	167.466.830
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	46.432.500.066	59.668.937.112
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.545.837.930	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	101.408.000	93.619.000
Cộng	49.094.391.345	59.930.022.942

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	43.844.337.947	43.992.695.550
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	-	(45.583.250)
Dự phòng các khoản đầu tư	36.600.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong thanh toán	32.382.612.742	40.403.044.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	8.129.794.496
Cộng	76.263.550.689	92.479.951.119

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí vận chuyển đường biển	70.384.859.882	96.412.568.154
Phí tư vấn kỹ thuật	15.981.795.065	20.646.814.539
Chi phí khác bằng tiền	87.642.204.616	47.311.762.754
Cộng	174.008.859.563	164.371.145.447

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	16.175.885.280	15.670.696.532
Chi phí công cụ văn phòng	2.091.126.205	1.890.273.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	594.374.814	541.963.975
Thuế, phí và lệ phí	381.957.670	351.765.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.867.394.632	12.829.735.247
Chi phí khác bằng tiền	15.135.205.020	12.978.233.107
Cộng	43.245.943.621	44.262.667.284

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu tiền căng tin	107.000.000	114.000.000
Máy gây mê tôm được nhận tài trợ	1.368.102.500	-
Thanh lý tài sản cố định	-	36.363.636
Xử lý công nợ	464.583.750	-
Các khoản khác	186.335.062	44.924.945
Cộng	2.126.021.312	195.288.581

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	174.156.559	22.137.877
Chi phí khấu hao không được trừ	559.537.477	-
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	2.451.442	252.667.555
Thanh lý Tài sản cố định	29.854.518	-
Chi phí khác	169.367.315	491.521.717
Cộng	935.367.311	766.327.149

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.573.940.215.744	2.258.229.742.057
Chi phí nhân công	315.829.293.215	294.274.036.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.527.619.402	47.010.884.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.983.573.147	164.206.954.871
Chi phí khác bằng tiền	244.053.230.929	182.628.718.053
Cộng	3.295.333.932.437	2.946.350.335.342

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	45.578.359.893	18.312.220.756
- Lợi nhuận từ hoạt động ưu đãi	42.162.501.740	17.366.931.805
- Lợi nhuận từ hoạt động không được ưu đãi	3.415.858.153	945.288.951
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(8.442.508.608)	(6.239.145.192)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.648.682.435	2.977.331.774
- Phạt hành chính, phạt thuế	174.156.559	22.137.877
- Chi phí khác không được trừ	761.210.752	744.189.272
- Điều chỉnh tăng khác	229.521.201	2.211.004.625
- Lỗ CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm nay	452.513.548	-
- Lãi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước	1.031.280.375	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	11.091.191.043	9.216.476.966
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	101.408.000	93.619.000
- Lỗ CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước	-	724.071.337
- Lãi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm nay	-	1.031.280.375
- Điều chỉnh giảm khác	2.211.004.625	822.308.488
- Chi phí lãi vay được chuyển năm 2021 theo ND 20/2025/ND-CP	2.770.326.220	2.770.326.220
- Chi phí lãi vay được chuyển năm 2022 theo ND 132/2020/ND-CP	2.233.580.652	-
- Chi phí lãi vay được chuyển năm 2023 theo ND 20/2025/ND-CP	3.774.871.546	3.774.871.546
Tổng thu nhập tính thuế	37.135.851.285	12.073.075.564
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động ưu đãi	33.719.993.132	11.127.786.613
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động không được ưu đãi	3.415.858.153	945.288.951
Thuế suất thuế TNDN hiện hành		
- Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động ưu đãi	15%	15%
- Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành	6.102.918.867	1.858.225.782
Trong đó:		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.741.170.600	1.858.225.782
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	361.748.267	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Nhận tài sản được tặng	1.368.102.500	-
Cộng	1.368.102.500	-

6.2 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	3.244.999.641.803	2.655.246.989.324
Cộng	3.244.999.641.803	2.655.246.989.324

6.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền chi trả gốc vay theo khế ước thông thường	3.226.734.265.424	2.881.249.612.637
Cộng	3.226.734.265.424	2.881.249.612.637

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUANDanh sách các bên liên quan

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khác Bà Nguyễn Thị Phi Anh		18.546.489.690
Cộng - Xem thêm mục 4.5	-	18.546.489.690

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vay và nợ thuê tài chính		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	-	12.000.000.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	-	10.000.000.000
Bà Lê Thanh Thảo	-	15.000.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.18	-	37.000.000.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Trả nợ vay		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	12.000.000.000	8.000.000.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	10.000.000.000	-
Bà Lê Thanh Thảo	15.000.000.000	-
Ông Trần Văn Lĩnh	-	7.000.000.000

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	-	5.616.000.000

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi vay đã trả		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	578.630.137	850.684.932
Ông Trần Văn Lĩnh	-	318.849.315
Bà Lê Thị Minh Thảo	429.452.054	500.000.000
Bà Lê Thanh Thảo	172.602.740	750.000.000

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi vay phát sinh trong năm		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	578.630.137	850.684.932
Ông Trần Văn Lĩnh	-	318.849.315
Bà Lê Thị Minh Thảo	429.452.054	500.000.000
Bà Lê Thanh Thảo	172.602.740	750.000.000

Cam kết bảo lãnh:

- Bà Lê Thanh Thảo đã dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 68/2020/VCB-DN ngày 08/06/2020 và PL hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký kết giữa Ngân hàng và bà Lê Thanh Thảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS	96.000.000	96.000.000
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	438.260.000	465.736.000
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	683.838.000	671.070.000
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	46.994.000	283.608.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	342.556.000	330.876.000
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	358.310.000	361.718.000
Ông Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	451.001.000	441.854.000
Ông Đoàn Hữu Lý	Phó Tổng Giám đốc	204.798.000	234.841.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS	152.751.000	139.625.000
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên BKS	241.597.000	213.651.000
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên BKS	204.559.000	188.636.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập